

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

Ngày 30 tháng 01, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá



STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	MML	29/01/2026	41.9	1.215.600	189.963	6.4
2	VVS	29/01/2026	79.7	804.900	174.873	4.6
3	PNJ	29/01/2026	126.5	6.501.500	1.423.487	4.57
4	ORS	29/01/2026	14.2	5.734.400	1.329.913	4.31
5	ANV	29/01/2026	28.55	5.703.600	1.366.117	4.18
6	VHC	29/01/2026	65	4.208.700	1.099.133	3.83
7	BIC	29/01/2026	26.6	917.400	243.860	3.76
8	MSN	29/01/2026	84.1	24.722.400	6.786.004	3.64
9	TNG	29/01/2026	21	4.375.800	1.220.420	3.59
10	MSR	29/01/2026	36.4	6.269.400	2.100.597	2.98
11	KSB	29/01/2026	17.45	3.059.000	1.244.977	2.46
12	DDV	29/01/2026	28.6	3.305.100	1.421.490	2.33
13	MWG	29/01/2026	89.5	15.892.000	7.020.154	2.26
14	HHP	29/01/2026	13.4	2.192.600	982.960	2.23
15	FRT	29/01/2026	165	1.082.600	502.337	2.16
16	DGW	29/01/2026	47.05	4.961.300	2.302.133	2.16
17	SMC	29/01/2026	14.05	633.700	330.810	1.92
18	DBC	29/01/2026	28.3	12.944.900	6.973.157	1.86
19	FPT	29/01/2026	106.1	14.247.700	8.850.627	1.61
20	ACB	29/01/2026	23.8	20.344.800	13.025.207	1.56
21	MSH	29/01/2026	35.75	663.600	437.250	1.52
22	GVR	29/01/2026	40.85	9.435.700	6.384.484	1.48
23	KOS	29/01/2026	39.15	565.800	391.857	1.44
24	SIP	29/01/2026	58.6	619.600	439.777	1.41
25	ELC	29/01/2026	24.7	1.990.100	1.420.393	1.4
26	PLC	29/01/2026	31.7	1.077.000	772.710	1.39
27	DCM	29/01/2026	37	4.027.900	2.935.297	1.37
28	VNM	29/01/2026	71.1	10.036.800	7.371.590	1.36



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.



STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	AAA	29/01/2026	7.95	1.397.200	48.98	7.8	1.97
2	AAS	29/01/2026	10.5	2.943.930	57.36	10.29	02.03
3	BAF	29/01/2026	35.7	3.443.880	38.79	34.71	2.87
4	BCM	29/01/2026	66	1.713.870	42.8	65.29	01.08
5	BVB	29/01/2026	13.8	4.172.100	51.42	13.67	0.93
6	CMG	29/01/2026	35.55	655.060	55.4	34.6	2.73
7	CTR	29/01/2026	96	1.159.450	52.09	90.15	6.49
8	DBC	29/01/2026	28.3	8.143.390	54.58	27.2	04.04
9	DCM	29/01/2026	37	4.193.070	61.24	34.71	6.59
10	DDV	29/01/2026	28.6	2.102.030	58.39	28.11	1.74
11	DPG	29/01/2026	44	886.340	62.5	42.37	3.84
12	DPM	29/01/2026	23.9	6.611.170	51.72	22.91	4.32
13	DPR	29/01/2026	40.3	919.170	51.55	37.81	06.06
14	DRI	29/01/2026	12.5	1.431.530	46.04	12.16	2.77
15	FPT	29/01/2026	106.1	13.079.120	62.79	99.54	6.59
16	HPG	29/01/2026	27.1	35.177.792	53.68	25.67	5.57
17	KBC	29/01/2026	33.6	7.638.480	40.62	31.98	05.07
18	KHG	29/01/2026	6.88	19.081.560	46.46	6.74	02.05
19	LCG	29/01/2026	10.2	2.666.760	46.5	10.14	0.56
20	LPB	29/01/2026	41.7	1.763.730	42.94	40.76	2.32
21	MSB	29/01/2026	12.15	5.192.060	39.15	11.86	2.48
22	NKG	29/01/2026	15.3	4.707.510	49.41	15.29	0.07
23	NRC	29/01/2026	5.8	915.140	43.44	5.72	1.31
24	NTP	29/01/2026	62.7	745.350	43.64	62.28	0.68
25	PAN	29/01/2026	29.7	1.244.120	65.43	28.99	2.47



Đỉnh và đáy là mức
kháng cự và hỗ trợ
quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	MSR	36.4	33.8	3.111.580
2	PNJ	126.5	121.1	2917060
3	POM	7.9	7.41	2.497.500
4	TDP	35.7	34.2	319.160

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	BIC	26.6	25.5	288.560
2	DGW	47.05	46.9	3.340.880
3	FPT	106.1	105.8	13079120
4	HPX	5.29	5.27	2.643.240
5	MML	41.9	38.8	348.060
6	MSN	84.1	81.4	9.194.190
7	TNG	21	20.28	1.786.850
8	VHC	65	63	1.728.230

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	BTP	8.12	8	181.560
2	HVX	2.33	2.33	51.640
3	IVS	8.2	8.1	132.730
4	NAG	7.5	7.5	110.380
5	SED	18.8	18.5	18.110
6	SVN	2.2	2.2	176.160

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ABR	12.25	12.5	10.810
2	ABT	63.6	64.1	13.830
3	APS	6.7	6.8	498.680
4	BTP	8.12	8.13	181.560
5	CHP	27.9	28	74.510
6	GDT	19.5	19.55	16.190
7	IVS	8.2	8.3	132.730
8	KHP	11.9	12	23.800
9	LHC	104	104.6	13.280
10	MCP	26.9	26.95	19.520
11	MHC	9.86	10.4	41.880
12	NAG	7.5	7.6	110.380
13	NVB	12.4	12.6	258.830
14	SED	18.8	18.9	18.110
15	SHS	18.6	18.7	15.326.760
16	SJS	53.6	53.8	37.590
17	TCI	8.97	8.99	135.730
18	TVB	7.97	7.99	33.880
19	VCG	19	19.45	12.208.910
20	VIP	11.7	11.95	442.620
21	VJC	164	171.5	1.435.900
22	VNE	5.39	5.4	172.080



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	AAS	10.5	10.29	2.943.930
2	DDV	28.6	28.11	2.102.030
3	FIT	4.72	4.72	830970
4	KHG	6.88	6.74	19.081.560
5	LCG	10.2	10.14	2.666.760
6	NKG	15.3	15.29	4.707.510

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	ABB	13.9	13.86	1.659.460
2	AGR	16.15	16.09	1.359.130
3	ANV	28.55	27.45	1949660
4	BAF	35.7	35.7	3.443.880
5	EVF	11.65	11.57	4.743.240
6	HPG	27.1	26.78	35.177.792
7	LAS	16.6	16.39	702.040
8	TCB	34.9	34.72	11.752.210
9	VOS	13.5	12.98	2217560

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	AAA	7.95	7.92	1.397.200
2	CRC	9.18	09.03	1.032.750
3	DDV	28.6	27.28	2102030
4	DPM	23.9	23.88	6.611.170
5	ELC	24.7	24.63	2.110.760
7	HDG	26.4	26.35	2216700
8	HPG	27.1	26.83	35177792
9	LDP	10.1	10.05	645500
10	MSH	35.75	34.79	510110
11	MWG	89.5	86.7	6855160
12	NKG	15.3	15.25	4707510
13	QCG	14.65	14.31	638480
14	SAB	50.3	49.29	2096210
15	VGT	13.4	13.3	1619400
16	YEG	12.4	12.32	1741840



Cổ phiếu cắt xuống
dưới các đường trung
bình phát tín hiệu bán
khi giá có thể giảm sâu
hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	ACB	23.8	23.84	15.389.830
2	HUT	15.7	15.72	1.525.160
3	NTL	17.05	17.28	1416520

Cắt xuống đường trung bình MA50

Phá vỡ các đường trung bình

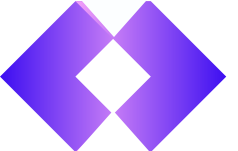
Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	CTR	96	96.85	1.159.450
2	DVM	5.5	5.53	514.660
3	HUT	15.7	15.78	1525160
4	ITQ	2.9	2.95	536.640
5	LPB	41.7	41.94	1.763.730
7	VTP	111.4	113.21	1357390



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	29/01/2026	14.1	13.95	14.3	2.51	72,600
2	ODE	29/01/2026	46	45.3	46.8	3.31	18,120
3	RAL	29/01/2026	92.7	90.5	95.4	5.41	6,380
4	SMB	29/01/2026	39.55	38.85	40.95	5.41	13,480
5	CLL	29/01/2026	30.4	30.1	31.9	5.98	8,860
6	PPT	29/01/2026	15.4	14.7	15.6	6.12	255,060
7	HMC	29/01/2026	11.3	11.25	12	6.67	5,680
8	VSH	29/01/2026	44.5	42	45	7.14	5,300
9	TCW	29/01/2026	31.9	30.7	33	7.49	9,220
10	SCG	29/01/2026	64.8	62.1	66.8	7.57	21,960
11	PPH	29/01/2026	28	26.37	28.37	7.58	14,160
12	SSB	29/01/2026	17.45	16.6	18	8.43	1,893,460
13	CHP	29/01/2026	27.9	27.5	29.86	8.58	58,800
14	DRL	29/01/2026	46.5	45.8	49.78	8.69	6,040
15	TDC	29/01/2026	11.6	11.25	12.25	8.89	165,880
16	GDT	29/01/2026	19.5	18.75	20.42	8.91	18,960
17	DHG	29/01/2026	103.7	100	109	9	16,300
18	NTC	29/01/2026	154.4	152.2	166	09.07	18,740
19	TCL	29/01/2026	34.75	33.3	36.35	9.16	20,500
20	TCT	29/01/2026	19.9	19	20.75	9.21	6,320
21	BWS	29/01/2026	34	31.98	35	9.44	5,640
22	HTG	29/01/2026	43.45	42	46	9.52	13,960
23	APF	29/01/2026	40.8	37.89	41.5	9.53	10,960
24	BMS	29/01/2026	12.9	12.4	13.6	9.68	94,400
25	NAB	29/01/2026	14.1	13.95	15.3	9.68	1,327,200



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Nguyễn Kim Dung

Chuyên viên phân tích

Email: dungnk@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường

Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông

Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009